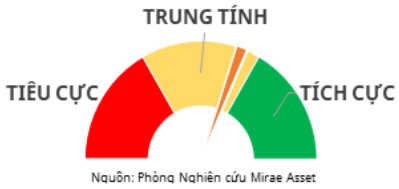
05 Tháng 11, 2026

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,740.73	0.4	-0.7	5.2
HNX	256.61	-0.5	-4.8	-3.8
UPCOM	122.48	-0.1	-2.4	5.1
MSCI EM	1,557.26	0.6	-10.5	12.6
NIKKEI	61,077.90	-1.8	-12.7	21.6
HANG SENG	24,796.98	3.7	3.1	-4.4
KOSPI	5,383.80	-5.3	-23.1	34.4
FTSE	10,938.52	1.0	4.2	11.9
S&P 500	7,688.62	1.6	-1.1	13.1
NASDAQ	25,736.51	1.4	-6.3	9.5

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	11.0	1.9	17.1
Indonesia	4.9	0.0	0.1
Philippines	8.5	1.2	11.6
Malaysia	14.0	1.5	10.4
Thailand	14.2	1.4	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	15.5	1.5
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	4.3	0	-2	112
TPCP 10 năm	4.5	0	0	63

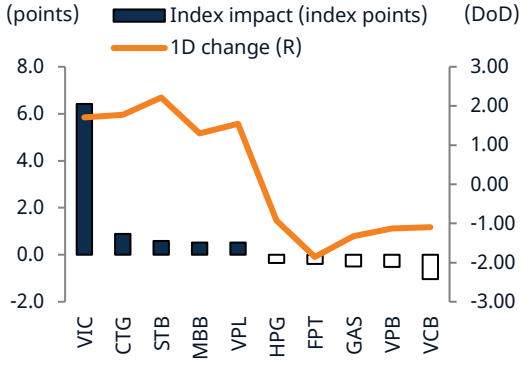
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	25,683	-0.1	-1.2	-2.4
US$/KRW	1,341.3	0.0	0.0	-6.9
US$/JPY	158.26	-0.1	0.2	2.7
US$/EUR	0.8897	-0.1	-0.1	2.3
US$/GBP	0.7423	0.0	-1.9	-3.1
US$/SGD	1.2764	-0.2	-0.2	-2.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	616	487	569
HNX	37	27	31
UPCOM	28	16	13

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Cầu cải thiện hỗ trợ chỉ số cuối phiên

Phiên giao dịch hôm nay mở cửa hưng phấn giúp chỉ số bứt phá lên vùng giá cao ngay đầu giờ sáng, nhưng áp lực chốt lời nhanh chóng gia tăng khiến thị trường hạ nhiệt và duy trì trạng thái giằng co trong phần lớn thời gian. Sang phiên chiều, nhịp rung lắc mạnh đẩy chỉ số lùi sâu về sát mốc tham chiếu trước khi lực cầu nhập cuộc quyết liệt vào cuối phiên, giúp chỉ số bật tăng trở lại.

Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1.740,73 điểm, tăng 7,71 điểm (+0,44%). Thanh khoản thị trường cải thiện (+11% so với mức trung bình 20 phiên) với giá trị giao dịch khớp lệnh đạt khoảng 13.889 tỷ đồng. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 168 mã tăng, 139 mã giảm và 64 mã đứng giá.

Nhóm ngành chính nâng đỡ thị trường hôm nay gồm bất động sản (VIC, VHM, KDH, DIG, DXG), ngân hàng (CTG, STB, MBB), dịch vụ tài chính (VIX, TCX, VND) và du lịch & giải trí (VPL, VJC). Ở chiều ngược lại, các ngành gây áp lực điều chỉnh lên thị trường tập trung tại công nghệ (FPT), tài nguyên cơ bản (HPG), xăng dầu khí đốt (GAS) cùng một số cổ phiếu ngân hàng phân hóa (VCB, VPB, BID).

Khối ngoại tiếp tục ghi nhận chuỗi bán ròng với tổng giá trị bán ròng 239 tỷ đồng trên sàn HSX. Trong đó, dòng tiền ngoại tập trung mua ròng tại các mã VIX (450 tỷ đồng), CTG (101 tỷ đồng) và VIC (54 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, áp lực bán ròng tập trung tại các mã VCB (-89 tỷ đồng), VHM (-75 tỷ đồng) và VPB (-56 tỷ đồng).

Phiên giao dịch tăng điểm giúp điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index cải thiện từ mức -2 điểm lên mức 2 điểm với trạng thái TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index hiện đạt 11.0x.

Huỳnh Thị Thu Thảo, Analyst, 84-8-39102222, thao.htt@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (05/11/2026)	1.740	Kháng cự 1	**1.800**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	**1.900**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.700**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.650**

Chạm ngưỡng kháng cự 1.750 điểm, VN-Index hạ nhiệt và đóng cửa ở nửa dưới biên độ ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (05/11/2026)	1.867	Kháng cự 1	**1.900**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	**2.000**
VN30 - đóng cửa	1.865	Hỗ trợ 1	**1.850**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	**+2,2**	Hỗ trợ 2	**1.800**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	**TIÊU CỰC**
VN30F1M (chart 60 phút)	4	**KHẢ QUAN**
VN30F1M	0	**TRUNG TÍNH**

VN30F1M giữ nhịp tăng, chênh lệch so với VN30 ở mức +2,2 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HDC	Bất động sản	13,000	2,510,515	**99**	5	**Top sức mạnh ngành**
SZC	Bất động sản	20,750	774,450	**93**	5	**Top sức mạnh ngành**
SSI	Chứng khoán	20,400	19,799,796	**86**	4	**Top sức mạnh ngành**
VCI	Chứng khoán	20,050	8,722,665	**100**	4	**Top sức mạnh ngành**
BVS	Chứng khoán	27,200	618,915	**79**	4	**Top sức mạnh ngành**
MSB	Ngân hàng	16,450	10,245,365	**76**	6	
FCN	Xây dựng	11,150	597,335	**72**	5	
CTD	Xây dựng	68,300	568,970	**78**	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
CTD	68.3	568,970	**7**	**KHẢ QUAN**	7,638	9.7	0.8	39
HHP	18	1,727,930	**6**	**KHẢ QUAN**	1,659	32.4	1.6	31
NVB	15.6	1,506,205	**6**	**KHẢ QUAN**	45,677	35.1	2.1	23
VIX	13.1	35,567,020	**5**	**KHẢ QUAN**	33,704	15.5	1.0	466
CTG	31.6	8,194,700	**5**	**KHẢ QUAN**	245,435	5.8	1.2	259
STB	69.2	3,255,970	**5**	**KHẢ QUAN**	130,457	28.6	2.0	225
SHS	13.3	11,939,340	**5**	**KHẢ QUAN**	11,963	16.4	1.0	159
VND	14.2	10,594,740	**5**	**KHẢ QUAN**	21,617	10.3	1.0	150
VJC	135.9	982,615	**5**	**KHẢ QUAN**	104,520	46.8	4.0	134
VPI	61.7	2,060,305	**5**	**KHẢ QUAN**	21,722	71.1	4.0	127
DXG	10.75	11,365,770	**5**	**KHẢ QUAN**	13,632	118.8	1.0	122
TCH	13	7,385,250	**5**	**KHẢ QUAN**	13,043	16.4	1.1	96
KBC	27.15	1,218,470	**5**	**KHẢ QUAN**	25,569	14.6	1.0	33
HDC	13	2,510,515	**5**	**KHẢ QUAN**	2,986	4.5	1.0	33
DPG	32.9	715,560	**5**	**KHẢ QUAN**	3,902	9.1	1.3	24
SZC	20.75	774,450	**5**	**KHẢ QUAN**	3,735	24.2	1.2	16
HVN	22.35	715,425	**5**	**KHẢ QUAN**	69,542	17.1	7.4	16
VHM	63.3	8,143,965	**4**	**KHẢ QUAN**	519,998	5.4	1.8	516
SHB	10.7	41,851,752	**4**	**KHẢ QUAN**	57,178	3.8	0.7	448
HPG	21.5	20,545,476	**4**	**KHẢ QUAN**	181,525	6.7	1.2	442
SSI	20.4	19,799,796	**4**	**KHẢ QUAN**	60,982	13.5	1.6	404
NVL	10.45	20,466,190	**4**	**KHẢ QUAN**	33,469	3.8	0.5	214
VCI	20.05	8,722,665	**4**	**KHẢ QUAN**	23,102	15.6	1.4	175
CII	13.85	10,501,610	**4**	**KHẢ QUAN**	9,307	98.4	1.0	145
HCM	24	3,217,740	**4**	**KHẢ QUAN**	32,399	25.1	2.0	77
MBS	16	3,060,400	**4**	**KHẢ QUAN**	16,015	11.9	1.4	49
VC3	23.5	1,960,890	**4**	**KHẢ QUAN**	3,497	49.0	2.2	46
CTS	22.8	1,896,850	**4**	**KHẢ QUAN**	6,207	16.5	2.2	43
FTS	19.5	916,890	**4**	**KHẢ QUAN**	7,432	18.5	1.7	18
BSI	28.9	589,635	**4**	**KHẢ QUAN**	7,800	14.9	1.4	17

BVS	27.2	618,915	**4**	**KHẢ QUAN**	1,964	11.4	0.7	17
CEO	12.1	8,027,670	**3**	TRUNG TÍNH	7,209	38.9	1.1	97
DIG	10.25	5,863,130	**3**	TRUNG TÍNH	8,653	14.1	0.9	60
VIC	238	2,469,755	**2**	TRUNG TÍNH	1,847,400	42.5	9.6	588
VNM	57.5	1,926,425	**2**	TRUNG TÍNH	120,172	11.7	3.5	111
VRE	24.2	3,274,065	**2**	TRUNG TÍNH	54,990	7.4	1.1	79
NKG	12.5	6,019,725	**2**	TRUNG TÍNH	6,154	25.3	0.8	75
LPB	36.45	2,000,345	**2**	TRUNG TÍNH	108,886	9.0	2.3	73
POW	12.5	5,023,680	**2**	TRUNG TÍNH	38,348	5.4	0.9	63
HUT	12.6	2,037,770	**2**	TRUNG TÍNH	13,460	48.3	1.2	26
FPT	52.9	8,278,955	**1**	TRUNG TÍNH	99,755	9.7	2.3	438
HDB	22.45	17,653,130	**0**	TRUNG TÍNH	146,079	7.4	1.6	396
MSN	71.6	4,767,615	**0**	TRUNG TÍNH	104,563	11.5	2.5	341
BSR	26.5	8,728,015	**0**	TRUNG TÍNH	132,693	4.7	1.6	231
TPB	12.8	15,896,445	**0**	TRUNG TÍNH	40,834	4.9	0.8	203
MWG	75	2,648,150	**0**	TRUNG TÍNH	110,677	11.2	3.1	199
GEX	22.7	8,143,985	**0**	TRUNG TÍNH	29,702	29.8	1.5	185
PNJ	15.15	10,481,130	**0**	TRUNG TÍNH	7,753	4.7	0.6	159
MSR	62.8	1,969,470	**0**	TRUNG TÍNH	69,392	6280.0	5.7	124
GVR	30.15	1,854,150	**0**	TRUNG TÍNH	120,600	14.2	1.9	56
VCG	15.5	3,006,670	**0**	TRUNG TÍNH	10,822	12.7	0.9	47
HSG	11.05	3,999,015	**0**	TRUNG TÍNH	8,920	14.3	0.7	44
IDC	35.3	1,040,565	**0**	TRUNG TÍNH	14,736	8.1	2.0	37
HAH	48.75	696,125	**0**	TRUNG TÍNH	9,182	7.1	1.7	34
NLG	22.3	1,424,875	**0**	TRUNG TÍNH	10,820	18.1	0.9	32
KOS	3.95	8,027,815	**0**	TRUNG TÍNH	855	51.2	0.4	32
HHV	9.6	3,299,960	**0**	TRUNG TÍNH	5,253	7.7	0.5	32
PET	51	611,110	**0**	TRUNG TÍNH	7,892	29.9	3.2	31
ANV	17.55	1,446,180	**0**	TRUNG TÍNH	4,673	5.4	1.2	25
OIL	12.9	1,717,400	**0**	TRUNG TÍNH	13,342	37.6	1.3	22
PHP	43.5	432,820	**0**	TRUNG TÍNH	14,223	17.3	2.4	19
VIB	14.1	7,063,310	**-1**	TRUNG TÍNH	52,556	6.8	1.1	100
MCH	133	552,105	**-1**	TRUNG TÍNH	173,885	23.8	9.6	73
TCB	21.95	18,602,840	**-2**	TRUNG TÍNH	233,314	8.1	1.2	408
VPB	21.9	16,303,455	**-2**	TRUNG TÍNH	219,000	7.0	1.2	357
MBB	19.5	12,752,430	**-2**	TRUNG TÍNH	196,341	5.9	1.3	249
VCB	54.2	4,324,255	**-2**	TRUNG TÍNH	452,878	10.9	1.8	234
ACB	20.55	9,635,440	**-2**	TRUNG TÍNH	119,281	7.4	1.1	198
VSC	13.55	11,943,960	**-2**	TRUNG TÍNH	5,073	19.9	0.9	162
PVT	20.6	6,748,465	**-2**	TRUNG TÍNH	10,649	6.9	1.1	139
BID	32.25	3,812,705	**-2**	TRUNG TÍNH	250,849	7.6	1.3	123
GMD	52.6	1,944,560	**-2**	TRUNG TÍNH	34,155	13.4	2.4	102
EIB	16.4	5,453,165	**-2**	TRUNG TÍNH	30,549	159.8	1.2	89
KDH	14.35	5,852,275	**-2**	TRUNG TÍNH	17,714	11.4	0.9	84
ORS	14.5	5,716,010	**-2**	TRUNG TÍNH	9,047	15.3	1.2	83
FRT	143	510,605	**-2**	TRUNG TÍNH	25,571	22.5	5.3	73
PDR	11.55	5,836,710	**-2**	TRUNG TÍNH	11,525	21.4	0.9	67
DGW	39.45	1,636,550	**-2**	TRUNG TÍNH	8,812	9.2	2.6	65

DCM	32.4	1,831,505	**-2**	TRUNG TÍNH	17,153	7.4	1.5	59
BVH	63.8	900,360	**-2**	TRUNG TÍNH	47,360	14.3	1.8	57
DPM	19.65	2,011,005	**-2**	TRUNG TÍNH	13,361	8.8	1.2	40
VGC	40.75	797,215	**-2**	TRUNG TÍNH	18,270	10.2	2.1	32
NT2	22.6	1,375,970	**-2**	TRUNG TÍNH	6,506	4.5	1.2	31
HAG	13.9	2,099,955	**-2**	TRUNG TÍNH	17,617	5.3	1.1	29
VEA	37.7	715,480	**-2**	TRUNG TÍNH	50,096	6.4	2.0	27
SBT	21.1	1,253,695	**-2**	TRUNG TÍNH	19,721	28.2	1.6	26
DCL	44.35	596,090	**-2**	TRUNG TÍNH	3,239	#N/A N/A	2.2	26
PVP	17.85	1,472,260	**-2**	TRUNG TÍNH	1,851	5.7	0.9	26
BCM	38.1	593,030	**-2**	TRUNG TÍNH	39,434	19.3	1.8	23
TNG	18.3	1,201,960	**-2**	TRUNG TÍNH	2,356	4.9	1.2	22
DRI	13.5	1,402,370	**-2**	TRUNG TÍNH	988	6.3	1.4	19
CSV	22.9	764,090	**-2**	TRUNG TÍNH	2,530	9.5	1.5	17
GAS	74.6	937,385	**-3**	TRUNG TÍNH	180,006	12.3	2.5	70
PLX	33.7	3,199,930	**-4**	**TIÊU CỰC**	43,604	11.7	1.6	108
ACV	39.6	850,115	**-4**	**TIÊU CỰC**	141,860	13.4	1.9	34
DBC	15.6	1,641,680	**-4**	**TIÊU CỰC**	6,724	6.6	0.8	26
DHC	36.25	542,880	**-4**	**TIÊU CỰC**	3,852	6.6	1.5	20
PAN	17	1,062,545	**-4**	**TIÊU CỰC**	4,261	3.5	0.8	18
PVS	29.7	2,597,770	**-5**	**TIÊU CỰC**	18,227	8.7	1.2	77
PVD	17.3	3,835,865	**-5**	**TIÊU CỰC**	16,050	21.4	0.9	66

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc tung hàng tỷ USD "giải cứu" chứng khoán

Trung Quốc đang đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ thị trường chứng khoán trong bối cảnh Bắc Kinh tìm cách cải thiện tâm lý nhà đầu tư đang suy yếu đối với lĩnh vực công nghệ. Các quỹ liên quan đến nhóm ngân hàng quốc doanh được gọi là "đội tuyển quốc gia" (national team) đã ghi nhận dòng tiền đổ vào rất lớn. Theo dữ liệu từ Financial Times, dòng vốn ròng chảy vào 9 quỹ ETF thường được Bắc Kinh sử dụng để hỗ trợ thị trường đạt 11.5 tỷ USD trong ngày 03/11, mức cao thứ hai từng được ghi nhận trong một phiên.

Đáng chú ý, tỷ trọng dòng tiền được các tổ chức nhà nước hậu thuẫn rót vào những ETF theo dõi hai chỉ số công nghệ chủ chốt của Trung Quốc là Star 50 tại Thượng Hải và ChiNext tại Thâm Quyến cao bất thường trong đợt mua vào mới nhất này. Hai chỉ số công nghệ trên lần lượt tăng 9.9% và 6.4% trong ngày 04/11, trong khi chỉ số CSI 300 đại diện cho thị trường chung tăng 2.3%. Trong ngày 03/11, dòng vốn chảy vào quỹ ETF Star 50 của ChinaAMC đạt 1.7 tỷ USD , mức cao thứ hai từ trước đến nay, chỉ sau đợt hỗ trợ thị trường hồi tháng 7. Trong khi đó, ETF ChiNext của EFund thu hút 1.4 tỷ USD , mức cao thứ ba trong lịch sử.

Nguồn: vietstock.vn

Lạm phát tại Eurozone lên mức cao nhất trong 3 năm qua

Theo số liệu thống kê sơ bộ do Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) công bố ngày 4/11, tỷ lệ lạm phát hằng năm tại 21 quốc gia sử dụng đồng euro tăng từ 3,8% trong tháng 9 lên 4% trong tháng 10. Theo phóng viên TTXVN tại châu Âu, lạm phát tại Khu vực đồng euro (Eurozone) trong tháng 10/2026 tăng lên 4%, mức cao nhất trong 3 năm qua và gấp đôi mục tiêu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB). Nguyên nhân chủ yếu do giá năng lượng tăng mạnh trong bối cảnh xung đột tại Trung Đông, làm gia tăng sức ép đối với ECB trong việc tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ.

Trong đó, năng lượng tiếp tục là yếu tố thúc đẩy lạm phát mạnh nhất, với giá tăng 20,8% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức 18,9% ghi nhận trong tháng 9. Giá thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá tăng 1,6%, so với 1,3% của tháng trước. Đáng chú ý, giá thực phẩm chưa qua chế biến tăng tới 4,6%, gây thêm sức ép lên chi tiêu hằng ngày của các hộ gia đình. Lạm phát trong lĩnh vực dịch vụ cũng tăng từ 3,2% lên 3,3%, trong khi giá hàng công nghiệp không bao gồm năng lượng tăng 1,2%. Tuy nhiên, lạm phát cơ bản, không tính năng lượng, thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá, vẫn ổn định ở mức 2,5%.

Điều này cho thấy cú sốc giá năng lượng chưa gây ra tác động lan rộng rõ rệt tới giá cả các lĩnh vực khác, dù nguy cơ này vẫn hiện hữu nếu giá năng lượng tiếp tục duy trì ở mức cao. Số liệu của Eurostat cũng phản ánh sự khác biệt về mức độ lạm phát giữa các nền kinh tế. Tại Pháp, lạm phát tăng từ 3,4% trong tháng 9 lên 3,8% trong tháng 10. Trong khi đó, Tây Ban Nha ghi nhận mức 4,9%, Hy Lạp 5,6% và Litva 6,1%, thuộc nhóm có tỷ lệ lạm phát cao nhất trong Eurozone. Theo các chuyên gia, giá năng lượng tại châu Âu liên tục tăng trong năm nay do tác động của cuộc xung đột giữa Mỹ và Iran, trong bối cảnh khu vực này phụ thuộc lớn vào nguồn năng lượng nhập khẩu.

Nguồn: vietstock.vn

BID: BIDV sắp mua lại trái phiếu năm 2025, tổng giá trị 8,360 tỷ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV , HOSE : BID) vừa phê duyệt phương án mua lại trước hạn trái phiếu BIDV trong năm 2026. Theo đó, BIDV dự kiến chi 8,360 tỷ đồng mua lại trước hạn trong năm 2026 đối với 3 mã trái phiếu phát hành năm

2025 gồm: mua lại 360 tỷ đồng mã BID12556 vào ngày 27/11; 4,000 tỷ đồng cho mỗi mã BID12562 và BID12563, lần lượt vào 25/12 và 29/12. Cả 3 mã đều có kỳ hạn 2 năm.

Thời gian mua lại là ngày thực hiện quyền mua lại theo quy định tại các Bản công bố thông tin chào bán trái phiếu BIDV năm 2025 dự kiến từ 27/11 - 29/12/2026. Trước đó, vào giữa tháng 9, BIDV đã phân phối thành công gần 34.8 triệu trái phiếu (mệnh giá 100,000 đồng/trái phiếu), chiếm 80.31% tổng số trái phiếu đăng ký chào bán đợt 3/2026.

Nguồn: vietstock.vn

DPM: DPM tăng hơn gấp đôi mục tiêu lợi nhuận 2026

Sau 9 tháng kinh doanh tích cực, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo - Phú Mỹ, HOSE : DPM) điều chỉnh tăng mạnh mục tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2026 lên 1,445 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư cũng được nâng thêm 20% lên gần 1,400 tỷ đồng. Theo nghị quyết HĐQT ngày 04/11/2026, DPM điều chỉnh kế hoạch tài chính hợp nhất năm 2026 với mục tiêu doanh thu đạt 19,000 tỷ đồng, tăng khoảng 8% so với kế hoạch ban đầu là 17,600 tỷ đồng. Đáng chú ý, kế hoạch lợi nhuận được điều chỉnh tăng mạnh. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 1,770 tỷ đồng, tăng từ mức 850 tỷ đồng ban đầu, tương đương mức tăng 108%.

Lợi nhuận sau thuế cũng được nâng từ 680 tỷ đồng lên 1,445 tỷ đồng, tăng khoảng 112%. Nhiều chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ vượt kế hoạch 9 tháng Theo số liệu ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026, hoạt động sản xuất của DPM duy trì nhịp độ tích cực dù thị trường phân bón diễn biến phức tạp, giá khí và tỷ giá gia tăng, tạo áp lực lên chi phí sản xuất. Sản lượng Urê Phú Mỹ quy đổi đạt khoảng 688,000 tấn, tương đương 105% kế hoạch 9 tháng. Sản lượng NPK Phú Mỹ đạt gần 160,000 tấn, vượt 15% kế hoạch, trong khi UFC85 đạt khoảng 9,200 tấn, bằng 126% kế hoạch. Ở khâu tiêu thụ, tổng sản lượng phân bón kinh doanh ước đạt hơn 1.21 triệu tấn, vượt 22% kế hoạch 9 tháng.

Trong đó, nhóm Urê Phú Mỹ và các sản phẩm có nguồn gốc từ Urê Phú Mỹ đạt gần 647,000 tấn, hoàn thành 102% kế hoạch. Riêng xuất khẩu Urê Phú Mỹ đạt gần 163,000 tấn. NPK Phú Mỹ là một trong những điểm sáng khi sản lượng kinh doanh ước đạt hơn 177,000 tấn, vượt 21% kế hoạch 9 tháng và gần hoàn thành mục tiêu cả năm. Trong khi đó, nhóm phân bón thương mại đạt gần 393,000 tấn, vượt 80% kế hoạch 9 tháng và đã vượt kế hoạch cả năm. Ở mảng hóa chất, tổng sản lượng kinh doanh ước đạt hơn 99,000 tấn, vượt 4% kế hoạch 9 tháng. Riêng nhóm hóa chất sản xuất đạt gần 83,000 tấn, cao hơn 14% kế hoạch, trong đó CO2 thương phẩm ghi nhận kết quả nổi bật.

Nguồn: vietstock.vn

SIP: Vượt kế hoạch năm, SIP sắp chi 1,090 tỷ đồng tạm ứng cổ tức

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HOSE : SIP) vượt 18% kế hoạch doanh thu và 35% kế hoạch lợi nhuận cả năm sau 9 tháng. Công ty chuẩn bị chi 1,090 tỷ đồng để tạm ứng cổ tức đợt 1/2026 với tỷ lệ 45%, vượt xa mức tối thiểu 10% được ĐHĐCĐ thông qua. Trong quý 3/2026, doanh thu thuần của Công ty đạt 2,426 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mốc doanh thu theo quý cao nhất mà SIP từng ghi nhận. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng tới 11%, chạm mốc 2,074 tỷ đồng, khiến lợi nhuận gộp giảm 4% xuống còn 352 tỷ đồng. Hệ quả là lợi nhuận trước thuế quý 3 giảm nhẹ 1% còn 462 tỷ đồng, và lợi nhuận ròng đạt 344 tỷ đồng, giảm 6%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, tổng doanh thu thuần đạt 7,003 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 1,178 tỷ đồng, tăng 7%. Như vậy, Doanh nghiệp đã vượt 18% chỉ tiêu doanh thu và 35% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm sau 9 tháng. Trong 9 tháng, doanh thu cung cấp điện, nước khu công nghiệp tiếp tục là nguồn thu chủ lực với 5,730

tỷ đồng, chiếm 82% tổng doanh thu. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của mảng này khá mỏng, chỉ 9%. Động lực sinh lời thực tế nằm ở mảng cho thuê đất hạ tầng với doanh thu 342 tỷ đồng (biên lợi nhuận 69%) và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp khác với doanh thu 515 tỷ đồng (biên lợi nhuận 46%).

Nguồn: vietstock.vn

TMP: Lãi sau thuế 9 tháng tăng 21%, Thủy điện Thác Mơ sắp chi 70 tỷ tạm ứng cổ tức đợt 1/2026

CTCP Thủy điện Thác Mơ (HOSE : TMP) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2026. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 18/11. Cụ thể, TMP dự kiến tạm ứng cổ tức đợt 1/2026 bằng tiền với tỷ lệ 10% (tương ứng 1,000 đồng/cp). Ngày thanh toán vào 30/11. Hiện tại, TMP có 70 triệu cp lưu hành, tương ứng cần chi 70 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Về cơ cấu cổ đông, Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP (GE2) và Công ty TNHH Năng lượng REE là 2 cổ đông lớn của TMP , sở hữu lần lượt hơn 36.3 triệu cp (tỷ lệ 52%) và gần 30 triệu cp (tỷ lệ 42.63%). Nếu đợt tạm ứng thành công, 2 cổ đông lớn dự kiến đem về lần lượt hơn 36 tỷ đồng và gần 30 tỷ đồng.

Trước đó, vào tháng 6, TMP đã chi 140 tỷ đồng để chia đợt cổ tức còn lại năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 20%, tương ứng 2,000 đồng/cp. Với đặc thù tạo ra dòng tiền ổn định của nhà máy thủy điện, Thác Mơ duy trì việc chi trả cổ tức tiền mặt hàng năm từ 2009 đến nay. Chính sách này là một trong những nguyên nhân quan trọng giúp giá cổ phiếu ít biến động so với thị trường, cũng như duy trì xu hướng đi lên đều đặn. Về kết quả kinh doanh, 9 tháng đầu năm 2026, TMP ghi nhận lợi nhuận sau thuế gần 298 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ, phần lớn do doanh thu bán điện tăng 12%. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính gấp 2.2 lần.

Nguồn: vietstock.vn

QCG: Quốc Cường Gia Lai lên kế hoạch phát hành thêm hơn 27,5 triệu cổ phiếu

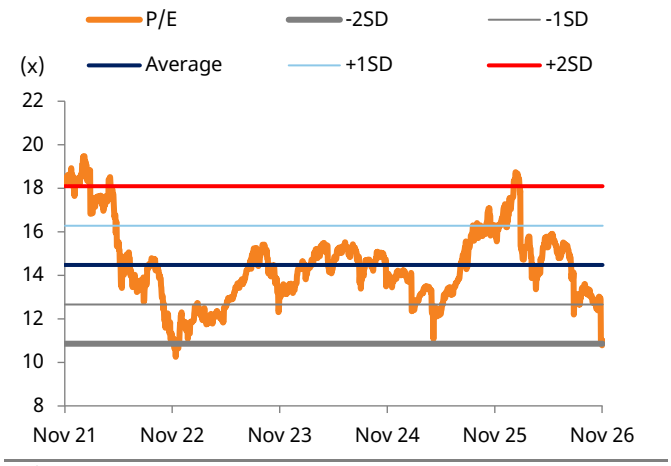
Quốc Cường Gia Lai thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 10:1, tương ứng cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu nhận thêm 1 cổ phiếu mới, thời gian dự kiến sau khi Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Với 275,1 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Quốc Cường Gia Lai sẽ phát hành thêm hơn 27,5 triệu cổ phiếu trong lần trả cổ tức sắp tới. Nếu hoàn thành đợt tăng vốn, vốn điều lệ của Quốc Cường Gia Lai dự kiến tăng từ 2.751 tỷ đồng, lên 3.026,4 tỷ đồng. Về hoạt động kinh doanh, trong quý III/2026, Quốc Cường Gia Lai ghi nhận doanh thu đạt 26,8 tỷ đồng, giảm 76% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 7 tỷ đồng so với cùng kỳ lãi 24 tỷ đồng, tức giảm 31 tỷ đồng.

Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 41,1%, về 15,7%. Luỹ kế trong 9 tháng đầu năm 2026, Quốc Cường Gia Lai ghi nhận doanh thu đạt 107,6 tỷ đồng, giảm 69,6% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 174,7 tỷ đồng, tăng 413% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 9 tháng lợi nhuận khác tới 242,6 tỷ đồng, chủ yếu từ hoạt động bán nhà máy thuỷ điện. Năm 2026, Quốc Cường Gia Lai đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 2.403 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 343 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc 9 tháng với lãi trước thuế đạt 220,2 tỷ đồng, Quốc Cường Gia Lai mới hoàn thành 64,2% kế hoạch năm.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

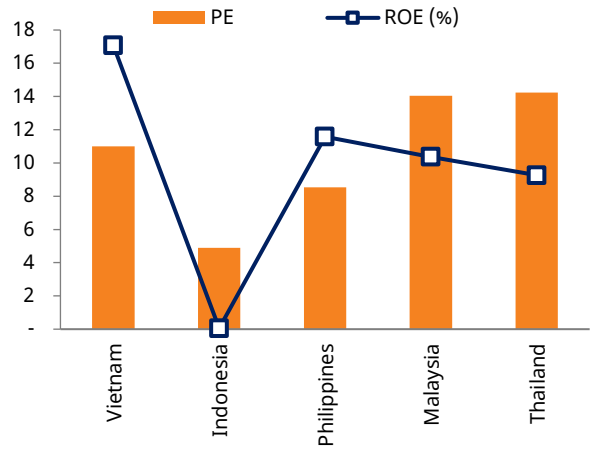
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



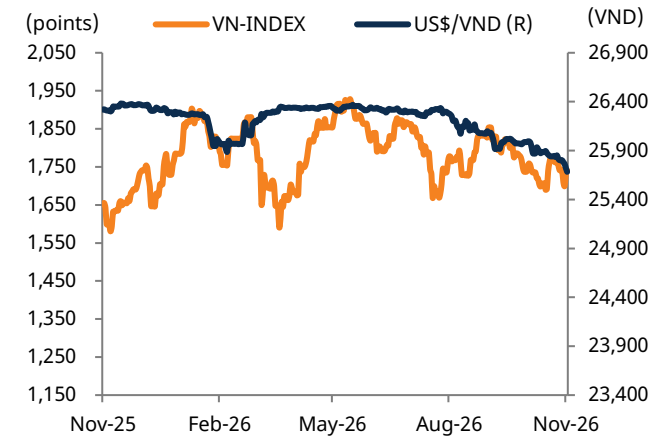
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



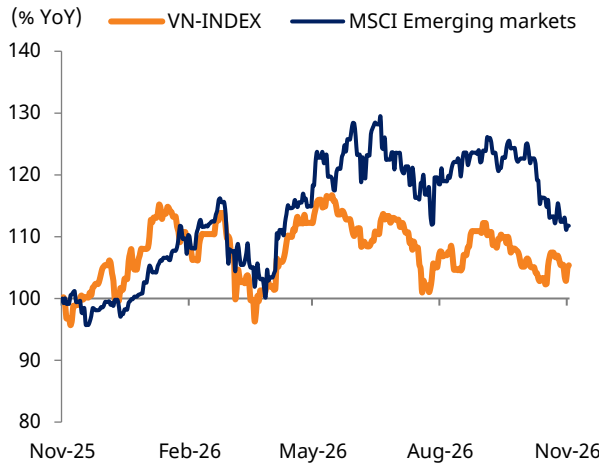
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



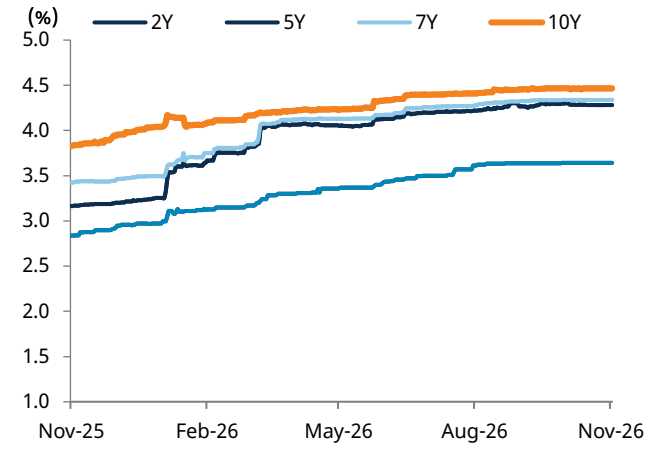
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



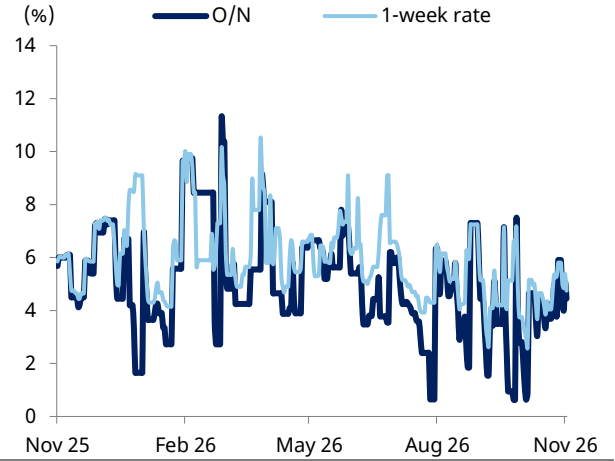
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)[1]			Sở hữu	Cổ tức			
		(VNDbn)	Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS[2]	12T[3]	FY24[4]
VN-Index		**8,367,514**	**1,740.73**	**1,936.55**	**1,578.42**	**0.4**	**-0.8**	**-0.7**	**5.2**	**11.0**	**1.9**	**17.1**					
VN30 Index		**6,358,149**	**1,865.23**	**2,121.13**	**1,737.11**	**0.2**	**-0.6**	**-1.5**	**-1.1**	**9.9**	**1.9**	**19.3**					
Asia Commercial Bank JSC	ACB VN	119,281	20,550	23,982	19,204	0.2	-3.5	-2.1	-9.3	7.4	1.1	16.5	22.1	6/15/2026	619	3.0	3.4
Bank for Investment and Development	BID VN	250,849	32,250	52,975	31,600	-0.6	-4.7	-6.8	-10.8	7.6	1.3	16.5	17.3	7/17/2026	0	1.3	N/A
Petrovietnam Refining and Petrochemical Corp	BSR VN	132,693	26,500	39,600	13,500	0.0	-4.2	-12.8	57.7	4.7	1.6	39.7	1.5	8/11/2026	300	1.1	0.9
Vietnam Joint Stock Commercial Bank	CTG VN	245,435	31,600	43,500	28,400	1.8	2.9	6.6	-10.9	5.8	1.2	22.7	24.5	7/23/2026	0	1.4	1.5
FPT Corp	FPT VN	99,755	52,900	98,818	49,550	-1.9	0.4	-14.5	-42.3	9.7	2.3	26.2	26.7	11/27/2026	1,818	3.4	3.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	180,006	74,600	131,500	60,600	-1.3	-1.8	-5.6	18.4	12.3	2.5	21.3	2.2	9/22/2026	2,500	3.4	3.8
Vietnam Rubber Group Ltd	GVR VN	120,600	30,150	46,500	25,100	-0.2	-5.6	-7.8	3.8	14.2	1.9	14.0	N/A	11/10/2026	400	1.3	1.3
Ho Chi Minh City Development JCB	HDB VN	146,079	22,450	23,450	17,230	1.1	-1.1	4.0	21.9	7.4	1.6	24.8	19.3	7/12/2024	0	N/A	N/A
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	181,525	21,500	27,000	19,600	-0.9	1.4	4.9	-10.1	6.7	1.2	20.0	21.9	5/11/2026	455	2.1	1.7
Fortune Vietnam JCB	LPB VN	108,886	36,450	58,500	33,900	0.4	-2.3	-15.2	-29.2	9.0	2.3	26.9	1.4	5/14/2026	3,000	8.2	8.2
Military Commercial JCB	MBB VN	196,341	19,500	24,426	17,678	1.3	-1.0	1.8	-1.5	5.9	1.3	22.9	22.1	7/9/2026	828	4.2	4.2
Masan Consumer Corp	MCH VN	173,885	133,000	183,343	125,000	-0.5	-3.1	-5.0	N/A	23.8	9.6	42.6	11.1	8/10/2026	4,074	3.0	3.8
Masan Group Corp	MSN VN	104,563	71,600	85,500	61,700	-1.0	-0.7	0.4	-10.7	11.5	2.5	24.6	25.1	7/4/2022	0	N/A	1.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	110,677	75,000	94,400	62,500	0.7	-1.1	0.8	-6.5	11.2	3.1	30.2	49.0	10/7/2026	2,000	2.7	3.1
Saigon Beer Alcohol Beverage Corp	SAB VN	54,060	42,150	57,100	41,700	-0.5	-0.4	-1.1	-8.8	12.0	2.6	21.4	58.8	12/28/2026	5,000	11.9	11.5
Saigon - Hanoi JSC Bank	SHB VN	57,178	10,700	17,150	9,550	-0.5	0.0	-3.2	-33.0	3.8	0.7	17.5	4.6	6/9/2025	591	N/A	N/A
Southeast Asia JSC Bank	SSB VN	51,946	15,150	24,800	13,234	0.0	-2.9	-13.2	4.3	16.4	1.2	7.1	0.9	N/A	0	N/A	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	60,982	20,400	29,167	18,083	0.0	4.1	3.8	-23.0	13.5	1.6	12.7	N/A	8/17/2026	833	4.1	4.3
Saigon Thuong Tin JSC Bank	STB VN	130,457	69,200	79,000	45,950	2.2	3.4	1.8	29.3	28.6	2.0	2.4	10.2	11/29/2013	0	N/A	N/A
Vietnam Technological & Commer	TCB VN	233,314	21,950	25,467	18,533	0.5	-1.8	1.3	-3.4	8.1	1.2	16.3	20.7	5/19/2026	467	2.1	2.5
Techcom Securities JSC	TCX VN	96,218	28,900	45,000	26,100	1.9	4.0	4.0	N/A	15.5	2.0	13.8	8.2	4/7/2026	0	1.2	1.4
Bank for Foreign Trade of Vietnam	VCB VN	452,878	54,200	78,800	52,600	-1.1	-5.2	-4.9	-10.9	10.9	1.8	17.5	19.8	7/23/2026	450	0.8	0.8
Vinhomes JSC	VHM VN	519,998	63,300	86,650	43,450	0.2	1.9	-7.3	27.1	5.4	1.8	38.4	6.3	6/29/2026	3,000	4.7	3.2
Vietnam International JSC Bank	VIB VN	52,556	14,100	17,443	12,831	-1.1	0.7	5.2	-17.7	6.8	1.1	16.2	4.1	4/29/2026	822	5.8	5.5
Vingroup JSC	VIC VN	1,847,400	238,000	265,000	96,650	1.7	-1.2	2.6	130.5	42.5	9.6	25.4	3.0	8/6/2014	0	N/A	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	104,520	135,900	169,231	111,923	1.1	3.3	5.5	-4.2	46.8	4.0	8.7	5.2	4/23/2019	0	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	120,172	57,500	75,500	54,600	0.2	-0.3	0.5	-0.9	11.7	3.5	29.9	49.6	11/11/2026	4,350	8.2	7.9
Vietnam Prosperity JSC Bank	VPB VN	219,000	21,900	24,952	18,962	-1.1	-5.6	-4.8	-5.6	7.0	1.2	18.3	22.3	5/15/2026	397	1.8	1.9
Vinpearl JSC	VPL VN	164,984	92,000	111,000	67,000	1.5	2.1	18.6	23.3	47.1	3.7	8.6	6.3	N/A	0	N/A	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	54,990	24,200	39,500	20,900	0.0	0.2	1.7	-25.5	7.4	1.1	15.3	11.4	6/30/2026	1,000	4.1	2.1

Nguồn:MiraeAssetResearch,Bloomberg

Ghi chú:[1]Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg;[2]DPS:Tỷ lệ chi trả cổ tức; [3]Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong12tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu;[4]Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.